

Bản án số: 35/2021/DS-ST

Ngày: 30/3/2021

V/v tranh chấp: “Hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG - TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tấn Thành

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Bà Dương Thị Phụng

2. Bà Võ Thị Mỹ Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Nương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thủy Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vinh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 174/2020/TLST-DS, ngày 16 tháng 10 năm 2020, về tranh chấp dân sự “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2021/QĐST-DS, ngày 22 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ngân hàng N

Trụ sở chính: Số H, Đường L, Phường T, Quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Tiết Văn T – Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng N.

Người đại diện theo ủy quyền: Trần Minh T – Chức vụ: Cán bộ pháp chế thuộc Ngân hàng N – Chi nhánh Vinh Long (văn bản ủy quyền số: 104/NHN₀VL-TH, ngày 29/3/2021) (có mặt)

* **Bị đơn:** Ngô Văn T – Hộ kinh doanh H. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã C, huyện M, tỉnh Vinh Long.

* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

+ Phan Thị T; địa chỉ tại ấp M, xã C, huyện M, tỉnh Vinh Long. (vắng mặt)

- + Nguyễn Văn B; địa chỉ ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh; (xin vắng mặt);
- + Nguyễn Văn U; địa chỉ ấp Ô, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; (xin vắng mặt);
- + Phan Văn T1 và Nguyễn Thị Ánh H; cùng địa chỉ ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. (đều vắng mặt)

NHẬN THẤY:

Trong đơn khởi kiện ngày 06/4/2020 của nguyên đơn, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, ông Trần Minh T đại diện hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:

Sau khi thỏa thuận thống nhất, Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh Vĩnh Long (viết tắt là Ngân hàng) đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 7300LAV201701283, ngày 21/9/2017 với ông Ngô Văn T, cho ông T vay số tiền 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng); thời hạn vay 12 tháng đến 21/9/2018; lãi suất được điều chỉnh định kỳ tối thiểu 03 tháng/lần; mục đích vay sử dụng vào mục đích gia đình (mua bán thức ăn thủy sản).

Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền vay trên, ông T đã ký kết các hợp đồng thế chấp tài sản với Ngân hàng, cụ thể như sau:

1. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 7300-LCL-201600790, ngày 08/9/2016 và Phụ lục hợp đồng thế chấp số 7300-LCL-201600790/PLHĐTC, ngày 20/9/2017; tài sản thế chấp gồm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM723185 thuộc thửa 204, tờ bản đồ 16, diện tích 5.057,8m², tọa lạc tại ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, do ông Ngô Văn T đứng tên.

2. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 7300-LCL-201600791, ngày 08/9/2016 và Phụ lục hợp đồng thế chấp số 7300-LCL-201600791/PLHĐTC, ngày 20/9/2017; tài sản thế chấp gồm các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL853889, BI415358 và BI415359, thuộc các thửa 48, 61 và 62, cùng tờ bản đồ 16, tổng diện tích 13.319,8m², tọa lạc tại ấp Ô, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, do ông Ngô Văn T đứng tên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T không thanh toán tiền gốc lãi đầy đủ cho nguyên đơn; số tiền vay đã chuyển sang nợ quá hạn, nguyên đơn đã nhắc nhở nhiều lần nhưng bị đơn vẫn không thanh toán, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Tính đến ngày 30/3/2021, bị đơn còn nợ nguyên đơn tiền gốc là 800.000.000đ và tiền lãi bằng 366.488.889đ (trong đó, lãi trong hạn 249.955.556đ và lãi quá hạn 116.533.333đ), tổng cộng gốc, lãi bằng 1.166.488.889đ. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T phải thanh toán cho nguyên đơn các khoản tiền gốc, lãi như trên và tiếp tục tính lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong nợ gốc. Trường hợp bị đơn không khả năng thanh toán thì đề nghị cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ cho nguyên đơn.

Bị đơn Ngô Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn U và Nguyễn Thị Ánh H trình bày: Các đương sự là những người hiện đang canh tác, sử dụng quyền sử dụng đất mà ông T đã thế chấp cho Ngân hàng, nhưng các đương sự không có yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì trong vụ án này. Riêng ông Phan Văn T1 không có bản nêu ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Qui trình nhận đơn, thu thập chứng cứ của Thẩm phán đúng trình tự thủ tục tố tụng; về thời hạn xét xử đảm bảo đúng thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; về Hội đồng xét xử thực hiện nguyên tắc xét xử đúng trình tự thủ tục tố tụng; việc chấp hành pháp luật của các đương sự được thực hiện nghiêm túc.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 157 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 98 của Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 318, Điều 322 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 8, Điều 12 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N. Buộc ông Ngô Văn T trả cho Ngân hàng N tổng số tiền gốc, lãi bằng 1.166.488.889đ và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng từ ngày 30/3/2021 cho đến khi thanh toán dứt nợ. Trường hợp ông T không khả năng trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

- Buộc ông Ngô Văn T chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn là quan hệ về hợp đồng vay tài sản, mục đích vay để sinh hoạt gia đình, hợp đồng được thực hiện tại thành phố Vĩnh Long cho nên, đây là vụ án dân sự tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long đã triệu tập hợp lệ bị đơn Ngô Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Thị T, Phan Văn T1 và bà Nguyễn Thị Ánh H để tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng các đương sự vẫn vắng mặt, riêng ông Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn

U là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đề nghị xét xử vắng mặt, cho nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N, Hội đồng xét xử thấy: Xét Hợp đồng tín dụng số 7300LAV201701283, ngày 21/9/2017 đã được nguyên và bị đơn ký kết trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc; có hình thức và nội dung không trái pháp luật hay trái đạo đức xã hội, nên có giá trị pháp lý để thực hiện. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, ông T không thanh toán tiền gốc, lãi cho Ngân hàng; tính đến ngày 30/3/2021, ông T còn nợ Ngân hàng số tiền gốc 800.000.000đ và tiền lãi 366.488.889đ. Xét thấy, việc ông T không trả tiền gốc, lãi đúng như thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ thanh toán; trong quá trình giải quyết mặc dù ông T đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông vẫn không có ý kiến phản đối, cho nên, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn hoàn trả tiền gốc, lãi là có cơ sở chấp nhận, phù hợp khoản 1, khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 91; Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng.

[4] Xét việc nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử: Các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 7300-LCL-201600790, ngày 08/9/2016; số: 7300-LCL-201600791, ngày 08/9/2016 và Phụ lục hợp đồng thế chấp số 7300-LCL-201600791/PLHĐTC, ngày 20/9/2017; Phụ lục hợp đồng thế chấp số 7300-LCL-201600790/PLHĐTC, ngày 20/9/2017 đã được các bên ký kết trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc, không trái pháp luật hay đạo đức xã hội và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định tại Điều 122 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015; xét về mặt hình thức thì các hợp đồng đã được chứng nhận của Phòng công chứng và có đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan có thẩm quyền là phù hợp với khoản 3 Điều 167 của Luật Đất đai năm 2013, cho nên, các hợp đồng thế chấp là hoàn toàn hợp pháp. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử công nhận tình tiết này là sự thật. Do đó, nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với Điều 355 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và khoản 7 Điều 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Như vậy, đến thời điểm thanh toán mà bị đơn không khả năng thanh toán thì các tài sản thế chấp được xử lý theo phương thức do các bên thỏa thuận hoặc nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định pháp luật để thu hồi nợ.

[5] Đối với các đương sự đang quản lý, canh tác trên tài sản thế chấp nhưng các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì, cho nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí này bằng 3.500.000đ theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, số tiền này nguyên đơn đã nộp tạm ứng xong, cho nên, bị đơn phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho nguyên đơn.

[7] Về án phí: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bằng 46.995.000đ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 147; khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 7 Điều 323 và khoản 1, khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về nội dung:

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Buộc ông Ngô Văn T hoàn trả cho Ngân hàng N các khoản tiền sau:

- Tiền gốc: 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng);

- Tiền lãi: 366.488.889đ (Ba trăm sáu mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi tám ngàn tám trăm tám mươi chín đồng).

Tổng cộng tiền gốc, lãi làm tròn bằng: 1.166.489.000đ (Một tỷ một trăm sáu mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi chín ngàn đồng).

Thời hạn thanh toán khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp ông Ngô Văn T không thanh toán hoặc thanh toán chưa hết nợ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm:

- Tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 7300-LCL-201600790, ngày 08/9/2016 và Phụ lục hợp đồng thế chấp số 7300-LCL-201600790/PLHĐTC, ngày 20/9/2017, công chứng tại Văn phòng Công chứng Khả Quan, số 3743, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 08/9/2016 và số 3916, quyền số 02/TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 20/9/2017; đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, ngày 08/9/2016.

- Tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 7300-LCL-201600791, ngày 08/9/2016 và Phụ lục hợp đồng thế chấp số 7300-LCL-201600791/PLHĐTC, ngày 20/9/2017, công chứng tại Văn phòng Công chứng Khả Quan, số 3744, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 08/9/2016 và số 3910, quyền số 02/TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 20/9/2017; đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, ngày 08/9/2016.

2. Án phí và chi phí tố tụng:

2.1. Về án phí sơ thẩm:

Buộc ông Ngô Văn T nộp 46.995.000đ (Bốn mươi sáu triệu chín trăm chín mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng N được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 21.621.000đ (Hai mươi một triệu sáu trăm hai mươi một ngàn đồng) theo biên lai thu số 0005699, ngày 21/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

2.2. Chi phí tố tụng:

Buộc ông Ngô Văn T chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm ngàn đồng) để trả lại cho Ngân hàng N.

3. Nghĩa vụ thi hành án:

3.1. Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (30/3/2021), khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 7300LAV201701283, ngày 21/9/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này (trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay).

3.2. Về hướng dẫn thi hành án dân sự:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL;
- VKSND TPVL;
- Thi hành án TPVL;
- Các đ/s;
- Lưu: VT,...

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Võ Tấn Thành